

Bản án số: 175/2026/DS-PT
Ngày: 19 - 3 - 2026.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Trúc Lâm

Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 587/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2026/QĐ-PT, ngày 13/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2026/QĐ-PT ngày 11/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Nay là Thôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông H, bà T là Ông Đoàn Quang H1; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk, Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn K; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Nay là Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk, Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Huy T1

Địa chỉ: Số E H, phường Q, tỉnh Gia Lai - Có mặt;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Nay là Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk, Vắng mặt.

* **Kháng cáo:** Do có kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kiên .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Quang H1 trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu nên trước đây ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T có cho ông Nguyễn K vay số tiền 550.000.000 đồng. Đến ngày 04/3/2024, ông K trả được cho ông H, bà T số tiền gốc 200.000.000 đồng, còn lại tiền gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi 130.00.000 đồng ông K chưa trả được. Vì vậy, ông K viết lại giấy vay (Biên lai nhận tiền theo mẫu in sẵn của Đại lý thu mua nông sản K1) số tiền 350.000.000 đồng. Ông K cam kết thời hạn trả 12 tháng, lãi suất 1,1%. Sau đó khoảng 10 ngày là ngày 14/3/2024, ông K viết luôn vào mặt sau của giấy Biên lai nhận tiền đề ngày 04/3/2024 số tiền lãi của số tiền 350.000.00 đồng tính đến trước ngày 04/3/2024 là 130.00.000 đồng.

Như vậy, đến nay ông K còn nợ ông H, bà T là 350.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất từ ngày 04/3/2024 đến nay; và số tiền lãi của số tiền gốc 550.000.000 đồng chốt trước ngày 04/3/2024 là 130.000.000 đồng. Đến hạn trả tiền gốc và lãi, ông K không trả cho vợ chồng ông H theo cam kết. Vợ chồng ông H đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền nhưng ông K vẫn không trả.

Nay ông H, bà T khởi kiện yêu cầu ông K phải trả số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 04/3/2024 đến nay.

- Đối với số tiền lãi 130.000.000 đồng, do các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nên nay ông H, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này. Ông H, bà T sẽ khởi kiện bằng một vụ án sau.

Đối với khoản vay ông K vay của ông H, bà T thì vợ ông K là bà Nguyễn Thị L có biết giao dịch giữa ông K và ông H, bà T. Tuy nhiên do bà L không biết viết nên mọi giao dịch trong gia đình chỉ có ông K đứng ra ký tên, nhưng ông H, bà T xác định là ông K, bà L đều tham gia giao dịch và việc vay mượn này làm ăn kinh tế trong gia đình. Nên ông H, bà T yêu cầu bà L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông T, bà H.

*** Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Huy T1 trình bày:**

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn. Đây không phải khoản tiền vay mượn giữa các bên, căn cứ vào giấy biên lai nhận tiền đề ngày 04/3/2024, nội dung và hình thức của biên lai thể hiện đây là tiền gửi, không phải tiền ông K vay ông H, bà T. Ông K có nghề nghiệp làm đại lý thu mua nông sản chuyên cho người dân vay tiền, khi người dân có nhu cầu đến hỏi vay thì ông K cho vay hoặc ứng trước, đến vụ mùa thì người dân vay tiền sẽ trả tiền hoặc trả bằng hiện vật bằng cà phê hoặc nông sản. Do có mối quan hệ quen biết chơi thân với nhau trong xóm làng nên ông H, bà T có gửi tiền cho ông K để lấy lợi nhuận, sau 01 năm sẽ thanh toán lợi nhuận và đổi phiếu nhận tiền một lần nếu bên gửi tiền không rút tiền gốc về.

Đối với giấy biên nhận đề ngày 04/3/2024, ông K chưa thanh toán lợi nhuận và chưa thanh toán số tiền gốc cho ông H bà T. Lý do là khi thời hạn gửi tiền mới được 09 tháng, chưa đến thời hạn trả gốc và trả lãi, ông H bà T đã khởi kiện ông K ra Tòa án. Sau đó ông H, bà T rút yêu cầu khởi kiện.

Ông K chỉ đồng ý trả lại số tiền gốc ông H, bà T gửi tại đại lý của ông K là 350.000.000 đồng, còn số tiền lợi nhuận tính từ ngày 04/3/2024 đến nay thì ông K không đồng ý trả lãi cho bà T, ông H, vì ông T, bà H đã vi phạm thỏa thuận ký vào giấy biên lai giữa các bên, chưa đến thời hạn ông T, bà H đơn phương kiện ông K trả số tiền đã gửi giữ. Đồng thời, do ông H, bà T không xác định đúng bản chất của giao dịch là gửi giữ tài sản và đây là kiện đòi tài sản, nên bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng từ ngày 04/3/2024 đến nay.

Về việc ông H, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 130.000.000 đồng, bị đơn không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đưa bà L là vợ ông K vào tham gia tố tụng và yêu cầu bà L có trách nhiệm liên đới cùng ông K trả tiền, bị đơn không đồng ý. Vì tại thời điểm xác lập giao dịch, không có mặt bà L, trong biên lai nhận tiền không có chữ ký hoặc điểm chỉ của bà L. Đây là giao dịch phát sinh do một bên xác lập, không vì nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không thể buộc bà L liên đới chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cùng ông K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn K là vợ chồng. Đại lý thu mua nông sản Kiên Liên là của ông K, bà L. Tuy nhiên, do bà L đọc kém và không viết được nên bà L không tham gia vào giao dịch mua bán, gửi giữ tiền của gia đình mà một mình ông K trực tiếp phụ trách, ký giấy tờ giao dịch và quản lý sổ sách. Tất cả các giao dịch mua bán, gửi nông sản, mua bán nông sản với người dân do ông K quản lý phụ trách, bà L không tham gia vào các công việc này.

Bà L chỉ biết có sự việc ông H, bà T gửi tiền tại đại lý nông sản của gia đình bà L để lấy lãi. Tuy nhiên, số tiền gửi cụ thể là bao nhiêu tiền, gửi vào năm nào, lãi suất bao nhiêu, ông K và vợ chồng ông H, bà T thỏa thuận với nhau như thế nào về việc trả tiền gốc và tiền lãi, thời gian trả thì bà L không biết. Trong quá trình ông H, bà T làm ăn với gia đình bà L thì bà L chỉ biết ông H, bà T có gửi tiền, sau này khi xảy ra tranh chấp với nhau về vấn đề tiền gửi thì ông K mới nói cho bà L biết số tiền ông K chưa thanh toán cho ông H, bà T là 350.000.000 đồng. Ông K giao dịch dân sự với người dân nhằm mục đích cho một mình cá nhân ông K, không liên quan đến bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk, đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Khoản 20 Điều 3, Điều 35 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T. Buộc ông Nguyễn K có nghĩa vụ trả cho ông H, bà T tổng số tiền nợ là 421.610.000 đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 71.610.000 đồng (tính đến ngày 18/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[1.2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 130.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, án phí cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/10/2025 bị đơn ông Nguyễn K có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, xem xét lại trình tự, thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện, tuyên sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không tính lãi suất đối với số tiền gửi do bên gửi tài sản có lỗi vi phạm thời hạn của hợp đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Trước ngày 04/3/2024, ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T có cho ông Nguyễn K vay một số tiền. Đến ngày 04/3/2024, ông K trả được cho ông H, bà T một phần tiền gốc, còn tiền lãi 130.00.000 đồng ông K chưa trả được nên ông K viết lại giấy vay (Biên lai nhận tiền theo mẫu in sẵn của Đại lý thu mua nông sản K1) với số tiền là 350.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền giữa các bên được thể hiện bằng Giấy biên nhận tiền ngày 04/3/2024. Theo đó, các bên thỏa thuận lãi suất 1,1%/tháng; thời hạn trả là 12 tháng. Như vậy, việc vay mượn tiền giữa các bên là có thật. Đến hạn trả nợ và cho đến nay, ông K vẫn không trả ông H, bà T số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nên ông H, bà T yêu cầu ông K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K, thì thấy:

[1.1] Về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: Qua xem xét các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn, thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Việc xác định quan hệ tranh chấp thì căn cứ “Biên lai nhận tiền” đề ngày 04 tháng 3 năm 2024 thể hiện ông K có nhận của ông H, bà T số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn 12 tháng, tại mặt sau ghi thêm “Nợ lại 130.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là phù hợp.

[1.2]. Về nội dung tranh chấp: Việc vay mượn tiền giữa các bên là có thật. Bị đơn ông Nguyễn K cũng thừa nhận và chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 350.000.000 đồng, còn tiền lãi, bị đơn không đồng ý trả. Vì ông K cho rằng đây không phải khoản tiền vay mượn giữa các bên mà đây là tiền gửi nhưng không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh giữa các bên có mối quan hệ gửi tiền để cho người khác vay lại, cũng như số tiền này là tiền gửi chứ không phải là tiền vay mượn cũng như nguyên đơn không thừa nhận nội dung này. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo về việc không đồng ý trả số tiền lãi của ông Nguyễn Kiên .

Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K là không có căn cứ để chấp nhận mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn K được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K; giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 20 Điều 3, Điều 35 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T. Buộc ông Nguyễn K có nghĩa vụ trả cho ông H, bà T tổng số tiền nợ là 421.610.000 đồng; trong

đó: Tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 71.610.000 đồng (tính đến ngày 18/9/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 130.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Ông Nguyễn K là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hồng